

中文翻譯

電梯受困



- 1 保持冷靜，電梯非密閉，空氣流通
- 2 透過緊急按鈕與業者通話或用手機向外求助
- 3 有人經過請間歇性拍打，發出聲音求援
- 4 請勿自行開電梯門，以防墜落



1955



1955hotline



勞動部勞動力發展署
WORKFORCE DEVELOPMENT AGENCY, MINISTRY OF LABOR

廣告

เมื่อติดอยู่ในลิฟต์

- 1 ตั้งสติ ในลิฟต์ไม่ได้ปิดมิดชิด ยังคงมีอากาศถ่ายเท
- 2 กดปุ่มฉุกเฉินหรือโทรศัพท์ขอความช่วยเหลือจากบุคคลภายนอก
- 3 เมื่อมีคนเดินผ่าน ให้เคาะประตูหรือส่งเสียงขอความช่วยเหลือ
- 4 อย่างัดและประตูเพื่อให้มันเปิดออก ระวังอาจร่วงตกลงไป



Terjebak Dalam Lift

- 1 Tetap tenang, lift bukan ruang kedap udara, sirkulasi udara normal
- 2 Hubungi operator melalui tombol darurat atau gunakan ponsel untuk meminta pertolongan dari luar
- 3 Saat ada orang yang lewat, bisa meminta pertolongan dengan sesekali mengetuk atau mengeluarkan suara
- 4 Jangan membuka pintu lift dengan tangan sendiri, guna terhindar dari risiko jatuh



Bị mắc kẹt trong thang máy

- 1 Hãy giữ bình tĩnh, thang máy không phải kín mít mà có sự lưu thông không khí.
- 2 Bấm nút khẩn cấp để liên lạc với hằng sản xuất hoặc dùng điện thoại di động đề cầu cứu sự trợ giúp từ bên ngoài.
- 3 Nếu có người đi ngang qua, hãy đập cửa thang máy liên tục và kêu lên để cầu cứu giúp đỡ.
- 4 Không tự mở cửa thang máy, đề phòng bị ngã.



Getting stuck in an elevator

- 1 Remain calm, elevators are not air tight spaces, air is circulating
- 2 Press the emergency button to talk to the operator or call for assistance using your cell phone.
- 3 If you hear anyone approaching the elevator, bang on the wall or shout out for assistance
- 4 Do not try to open the elevator doors as that increases the risk of falling

